TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ H
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:46/2018/DS-ST
Ngày: 27 - 11 - 2018
V/v Tranh chấp về hợp đồng dân sự hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trung;

2. Bà Huỳnh Thị Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:65/2018/TLST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2018, về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:74/2018/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Bà Thái Thị Kim P, sinh năm 1964, có mặt;

Địa chỉ cư trú: Khóm A, phường An T, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Chị Đặng Thị Thanh T, sinh năm 1978;

Địa chỉ cư trú: Khóm B, phường An T, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của Đặng Thị Thanh T: Bà Nguyễn Thị T; cư trú: Khóm B, phường An T, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 14/8/2018), có mặt;

Địa chỉ cư trú: Khóm B, phường An T, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

3. Bà Phạm Thị Thu T, sinh năm 1968;

Địa chỉ cư trú: Khóm B, phường An T, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

4. Chị Phạm Thị X, sinh năm 1973;

5. Bà Lê Thị H, sinh năm 1968;

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm C, phường An T, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

6. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1991;

7. Bà Lê Thị N, sinh năm 1967;

8. Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1956;

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm D, phường An T, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

9. Bà Trần Thị Ơ, sinh năm 1965;

Địa chỉ cư trú: Khóm Đ, phường An T, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

10. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964;

Địa chỉ cư trú: Khóm Mương Nhà M, phường An T, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

11. Chị Bùi Thị M, sinh năm 1988;

Địa chỉ cư trú: Ấp Tân H, xã Tân H, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn Phạm Thị Thu T, Phạm Thị X, Lê Thị H, Nguyễn Thị N, Lê Thị N, Nguyễn Văn X, Trần Thị Ơ, Nguyễn Thị T và Bùi Thị M: Chị Trần Thị H; cư trú: Khóm C, phường An T, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 05/4/2018, ngày 10/5/2018, ngày 30/7/2018), có mặt;

12. Chị Lê Thị Cà M, sinh năm 1979;

Địa chỉ cư trú: Ấp Long TB, xã Long KA, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của Chị Lê Thị Cà M: Anh Võ Văn K; cư trú: Ấp Long TB, xã Long KA, huyện H, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 27/9/2017), có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Trần Thị H: Luật sư Trần Văn Đ, Văn phòng Luật sư Hữu N, có mặt;

Địa chỉ: Số 41, đường 3/2, khu vực 3, phường Đ, thành phố Vị T, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn:* Võ Thị Thu T, sinh năm 1984, vắng mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Nguyễn Văn N (chồng chị T), sinh năm 1977, vắng mặt;

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm C, phường An T, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là Thái Thị Kim P trình bày: Năm 2012, bà có chơi hụi với chị T do Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giải quyết vụ án hình sự buộc chị T trả cho bà số tiền 9.710.000đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, Bà Thái Thị Kim P yêu cầu Võ Thị Thu T phải trả thêm tiền hụi còn thiếu gốc 22.290.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Bà Nguyễn Thị T là người đại diện hợp pháp của Đặng Thị Thanh T trình bày: Năm 2013, chị T làm chủ hụi, mở nhiều dây hụi với các phần góp hụi khác nhau. Bà đã tham gia nhiều dây hụi gồm hụi mười ngày, hụi ½ tháng và hụi tháng với giá trị hụi gồm 1.000.000đồng, 2.000.000đồng, 3.000.000đồng, 5.000.000đồng. Bà đã góp hụi đầy đủ và chị T tuyên bố bể hụi. Tại tờ tự khai đề ngày 24/11/2014, chị T thừa nhận còn nợ bà số tiền 146.000.000đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, Bà Nguyễn Thị T yêu cầu Võ Thị Thu T phải trả cho Đặng Thị Thanh T tiền hụi còn thiếu gốc 146.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Luật sư Trần Văn Đ là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Chị Võ Thị Thu T làm chủ hụi từ năm 2010, thời gian đầu chị T thực hiện đúng nghĩa vụ của chủ hụi, lợi nhuận từ tiền hoa hồng và trực tiếp tham gia trong các dây hụi để sử dụng chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, sau đó chị T mở thêm nhiều dây hụi nhằm thu hút nhiều hụi viên tham gia, hụi viên là những người sinh sống và mua bán tại thị xã H. Đến khoảng tháng 7/2012 (nhằm tháng 8/2012 ÂL), chị T mở 14 dây hụi gồm: 02 dây hụi 10 ngày 1.000.000đồng; 02 dây hụi 10 ngày 2.000.000đồng; 02 dây hụi ½ tháng 2.000.000đồng; 02 dây hụi tháng 3.000.000đồng; 05 dây hụi tháng 5.000.000đồng; 01 dây hụi tháng 10.000.000đồng. Tiền hoa hồng chị T quy định chủ hụi được hưởng 300.000đồng/phần đối với hụi 1.000.000đồng; 600.000đồng/phần đối với hụi 2.000.000đồng; 900.000đồng/phần đối với hụi 3.000.000đồng; 1.500.000đồng/phần đối với hụi 5.000.000đồng; 3.000.000đồng/phần đối với hụi 10.000.000đồng.

Cách thức tham gia chơi hụi: Mỗi 10 ngày, ½ tháng và một tháng (tính trong ngày của tháng tiếp theo) khui hụi một lần, đến ngày khui hụi thì các hụi viên bỏ hụi, ai bỏ hụi cao nhất thì hốt hụi. Nhưng trong các dây hụi này, các hụi viên tham gia bỏ hụi không đầy đủ, hoặc không trực tiếp bỏ hụi mà tin lời chị T nói hụi bỏ bao nhiêu tiền thì hụi viên đóng bấy nhiêu.

Trong quá trình làm chủ hụi, chị T đã dùng thủ đoạn gian dối tự ý lấy tên hụi viên khác hốt hụi mà không có sự đồng ý của họ, chiếm đoạt tiền của nhiều hụi viên, để choàng hụi cho các hụi viên đến kỳ hốt hụi và chi xài cá nhân. Hành vi này được thực hiện ở 12 dây hụi trong tổng số 14 dây hụi do chị T làm chủ, đến ngày 15/8/2014 (nhằm ngày 20/7/2014 ÂL) chị T không còn khả năng

choàng hụi nên tuyên bố vỡ hụi. Các nguyên đơn đã làm đơn tố giác yêu cầu xác minh làm rõ xử lý Võ Thị Thu T theo quy định pháp luật. Sau đó, Tòa án nhân dân thị xã H xét xử vụ án hình sự sơ thẩm số 32/2017/HSST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp và Bản án hình sự phúc thẩm số 09/2018/HS-PT ngày 17 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử buộc chị Võ Thị Thu T có trách nhiệm hoàn trả lại cho các nguyên đơn sau: Bà Trần Thị Ơ số tiền 63.170.000đồng, bà Lê Thị H số tiền 15.345.000đồng, ông Nguyễn Văn X số tiền 2.895.000đồng, bà Phạm Thị Thu T số tiền 14.715.000đồng, chị Nguyễn Thị T số tiền 10.600.000đồng, chị Bùi Thị M số tiền 230.000đồng và bà Phạm Thị X số tiền 19.910.000đồng, còn chị Nguyễn Thị N sau khi vỡ nợ thì chị T và chị Nguyễn Thị N có thỏa thuận trả 8.200.000đồng; sau khi bể hụi, chị T thỏa thuận trả cho bà Lê Thị N số tiền 46.400.000đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, Luật sư Trần Văn Đ yêu cầu:

Chị Võ Thị Thu T và anh Nguyễn Văn N phải liên đới trả cho bà Phạm Thị Thu T số tiền hụi còn thiếu gốc 85.230.000đồng, không yêu cầu tính lãi;

Chị Võ Thị Thu T và anh Nguyễn Văn N phải liên đới trả cho bà Phạm Thị X số tiền hụi còn thiếu gốc 195.850.000đồng, không yêu cầu tính lãi;

Chị Võ Thị Thu T và anh Nguyễn Văn N phải liên đới trả thêm cho bà Lê Thị H số tiền hụi còn thiếu gốc 198.655.000đồng, không yêu cầu tính lãi;

Chị Võ Thị Thu T và anh Nguyễn Văn N phải liên đới trả cho chị Nguyễn Thị N số tiền hụi còn thiếu gốc 123.600.000đồng, không yêu cầu tính lãi;

Chị Võ Thị Thu T và anh Nguyễn Văn N phải liên đới trả cho bà Lê Thị N số tiền hụi còn thiếu gốc 333.600.000đồng, không yêu cầu tính lãi;

Chị Võ Thị Thu T và anh Nguyễn Văn N phải liên đới trả cho ông Nguyễn Văn X số tiền hụi còn thiếu gốc 233.050.000đồng, không yêu cầu tính lãi;

Chị Võ Thị Thu T và anh Nguyễn Văn N phải liên đới trả cho bà Trần Thị Ơ số tiền hụi còn thiếu gốc 489.830.000đồng, không yêu cầu tính lãi;

Chị Võ Thị Thu T và anh Nguyễn Văn N phải liên đới trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền hụi còn thiếu gốc 247.900.000đồng, không yêu cầu tính lãi;

Chị Võ Thị Thu T và anh Nguyễn Văn N phải liên đới trả cho chị Bùi Thị M số tiền hụi còn thiếu gốc 57.970.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

Đồng thời, bà Phạm Thị X, bà Lê Thị H, bà Phạm Thị Thu T, ông Nguyễn Văn X, bà Trần Thị Ơ, chị Nguyễn Thị T, chị Bùi Thị M đều xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền đã được xét xử trong vụ án hình sự trên; chị Nguyễn Thị N xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 8.200.000đồng; bà Lê Thị N xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 46.600.000đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Trần Thị H trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, không ý kiến bổ sung.

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Anh Võ Văn K là người đại diện hợp pháp của chị Lê Thị Cà M trình bày: Năm 2013, chị T làm chủ hụi, mở nhiều dây hụi với các phần góp hụi khác nhau. Chị M đã tham gia nhiều dây hụi gồm hụi mười ngày, hụi ½ tháng và hụi tháng với giá trị hụi gồm 1.000.000đồng, 2.000.000đồng, 3.000.000đồng, 5.000.000đồng. Chị M đã góp hụi đầy đủ và chị T tuyên bố bể hụi. Tại biên bản đối chiếu nợ hụi ngày 29/6/2016, chị T thừa nhận còn nợ chị M số tiền 78.965.000đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, Anh Võ Văn K yêu cầu chị Võ Thị Thu T và anh Nguyễn Văn N phải liên đới trả cho chị Lê Thị Cà M tiền hụi còn thiếu gốc 78.965.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

Trong văn bản ghi ý kiến, bị đơn là chị Võ Thị Thu T trình bày: Khoảng năm 2010, chị tiến hành vận động hụi viên chơi hụi. Trong đó, chị mở 14 dây hụi gồm: 02 dây hụi 10 ngày 1.000.000đồng, 02 dây hụi 10 ngày 2.000.000đồng, 02 dây hụi 15 ngày 2.000.000đồng, 02 dây hụi tháng 3.000.000đồng, 05 dây hụi tháng 5.000.000đồng. Trong quá trình lập các dây hụi, chị chỉ hưởng hoa hồng của mỗi dây hụi khi khui hụi. Do trong quá trình làm chủ hụi, có một số hụi viên giật hụi, chị phải đóng thay cho các hụi viên đó. Thời gian dài chị không còn khả năng choàng hụi nữa, vì vậy, chị tự ý lấy tên của các hụi viên không tham gia khui hụi và tự bỏ thăm với số tiền cao để được hốt hụi nhằm mục đích choàng hụi cho những người đã giật hụi. Hành vi của chị đã bị khởi tố với tội danh "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xử phúc thẩm tuyên phạt 07 năm 03 tháng tù giam.

Những người khởi kiện nêu trên là những người yêu cầu xử lý hình sự đối với chị. Trong quá trình Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đồng Tháp khởi tố vụ án, khởi tố bị can để điều tra, thì Cơ quan điều tra tiến hành niêm phong hết toàn bộ sổ sách theo dõi hụi của chị, cho nên chị không được tiếp cận những tài liệu này. Vì vậy khi cơ quan điều tra lập biên bản đối chiếu nợ tiền hụi, làm tờ tự khai hụi viên nói chị nợ bao nhiêu thì chị nhận bấy nhiêu chứ chị không xác định được nợ, hơn nữa lúc đó tinh thần của chị quá hoảng loạn và rất sợ. Thực tế đến thời điểm hiện nay chị không xác định là chị choàng nợ hụi cho một số hụi viên là bao nhiêu tiền, số hụi viên đã hốt hụi từng dây hụi như thế nào, số hụi viên sống của từng dây hụi còn lại bao nhiêu người, số hụi viên giật hụi bao nhiêu…xác định tiền gốc mà hụi viên đóng là bao nhiêu, còn lại bao nhiêu.

Những người khởi kiện nêu trên họ căn cứ vào các biên bản đối chiếu nợ hụi, tờ tự khai của chị để khởi kiện, nhưng số nợ trong biên bản đối chiếu và tờ tự khai, chị cho rằng chưa chính xác. Vì vậy chị yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ về hụi do chị làm chủ hụi mà cơ quan điều tra tỉnh Đồng Tháp đang thu giữ để đối chiếu lại nợ hụi của từng người nhằm xác định chính xác số nợ mà chị còn nợ.

Qua các yêu cầu của các nguyên đơn, chị T không thống nhất, vì khi vỡ hụi do chị quá sợ và cũng không xác định còn nợ bao nhiêu, nên nhận bừa mà thôi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng thủ tục tố tụng ; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn; đình chỉ một phần yêu cầu của các nguyên đơn; buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ phải liên đới trả cho các nguyên đơn số tiền yêu cầu.

Bà Thái Thị Kim P, Bà Nguyễn Thị T, Chị Trần Thị H, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và ông Võ Văn K đều khẳng định không yêu cầu, cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm, yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chị Võ Thị Thu T và anh Nguyễn Văn N phải liên đới trả tiền hụi còn thiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã H thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn là chị Võ Thị Thu T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn N đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, bà Phạm Thị X, bà Lê Thị H, bà Phạm Thị Thu T, chị Nguyễn Thị N, bà Lê Thị N, ông Nguyễn Văn X, bà Trần Thị Ơ, chị Nguyễn Thị T, chị Bùi Thị M đều xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[4] Chị Võ Thị Thu T thừa nhận tờ tự khai đề ngày 24 tháng 11 năm 2014 là do chị tự viết và ký tên, cụ thể thừa nhận còn thiếu rất nhiều người, trong đó có: Bà X số tiền 174.000.000đồng nhưng theo biên bản đối chiếu nợ tiền hụi đề ngày 23 tháng 6 năm 2016 giữa bà Phạm Thị X với chị Võ Thị Thu T, thì chị T thống nhất còn nợ bà X số tiền 215.760.000đồng; bà Lê Thị H số tiền 313.710.000đồng; bà Trang số tiền 64.000.000đồng nhưng theo biên bản đối chiếu nợ tiền hụi đề ngày 22 tháng 6 năm 2016 giữa bà Phạm Thị Thu T với chị Võ Thị Thu T, thì chị T thống nhất còn nợ bà Trang số tiền 99.945.000đồng; chị Nguyễn Thị N số tiền 131.800.000đồng; bà Lê Thị N số tiền 380.000.000đồng; ông X số tiền 227.000.000đồng nhưng theo biên bản đối chiếu nợ tiền hụi đề ngày 22 tháng 6 năm 2016 giữa ông Nguyễn Văn X với chị Võ Thị Thu T, thì chị T thống nhất còn nợ ông X số tiền 273.945.000đồng; bà Nguyễn Thị T số tiền 258.500.000đồng; chị M số tiền 58.200.000đồng; chị Đặng Thị Thanh T số

tiền 146.000.000đồng; theo biên bản đối chiếu nợ tiền hụi đề ngày 29 tháng 6 năm 2016 giữa chị Lê Thị Cà M với chị Võ Thị Thu T, thì chị T thống nhất còn nợ chị M số tiền 92.965.000đồng và nguyên đơn trên yêu cầu xử lý hình sự đối với chị Võ Thị Thu T.

[5] Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2017/HSST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp và Bản án hình sự phúc thẩm số 09/2018/HS-PT ngày 17 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử bị cáo Võ Thị Thu T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; xử phạt: Bị cáo Võ Thị Thu T 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù và có trách nhiệm hoàn trả cho các bị hại số tiền chiếm đoạt, cụ thể: Chị T có trách nhiệm hoàn trả cho các ông, bà như sau: Bà X 19.910.000đồng; Bà Lê Thị H 15.345.000đồng; bà Phạm Thị Thu T 14.715.000đồng; ông X 2.895.000đồng; bà Ơ 63.170.000đồng; bà Nguyễn Thị T 10.600.000đồng; chị M 230.000đồng; bà Thái Thị Kim P 9.710.000đồng. Như vậy phải được khấu trừ số tiền đã được xét xử trong vụ án hình sự, số tiền còn nợ lại thì chị T tiếp tục trả cho các nguyên đơn.

[6] Đối với yêu cầu của bà Thái Thị Kim P, xét thấy Tòa án đã tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho chị T, nhưng chị T không cung cấp văn bản ghi ý kiến, không phản đối với yêu cầu của bà Thái Thị Kim P. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*.

[7] Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị T, bà Phạm Thị X, bà Lê Thị H, chị Nguyễn Thị N, bà Lê Thị N, ông Nguyễn Văn X, bà Trần Thị Ơ, chị Nguyễn Thị T, chị Bùi Thị M, ông Võ Văn K đều yêu cầu anh Nguyễn Văn N có trách nhiệm liên đới trả tiền hụi còn thiếu, xét thấy: Tại bản án hình sự phúc thẩm số 09/2018 ngày 17 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã có hiệu lực pháp luật. Đã nhận định: "..Bị cáo T lợi dụng sự quen biết với những người mua bán ở chợ và người thân thích với bị cáo, bị cáo đã tổ chức chơi hụi và làm chủ hụi (đầu thảo) để hưởng hoa hồng từ năm 2010, ngoài việc làm chủ hụi bị cáo cũng trực tiếp tham gia trong các dây hụi để được lợi nhuận và nhận tiền hoa hồng để sử dụng chi tiêu sinh hoạt gia đình,...". Do đó, cần thiết phải buộc anh Nguyễn Văn N có trách nhiệm liên đới cùng với chị T để trả tiền hụi cho các nguyên đơn trên.

[8] Ngày 11 tháng 10 năm 2018, Tòa án nhân dân thị xã H ra Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 21/2018/QĐST-DS gửi cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Tháp, về việc thu thập tài liệu, chứng cứ gồm: Sổ theo dõi hụi, tờ tự khai, các biên bản đối chiếu nợ hụi liên quan đến vụ án "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" do chị Võ Thị Thu T làm chủ hụi, nhưng Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Tháp đã chuyển toàn bộ hồ sơ đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã H để điều tra theo thẩm quyền; ngày 20 tháng 9 năm 2017, vụ án đã được Tòa án nhân dân thị xã H xét xử sơ thẩm (theo bản án số

32/2017/HS-ST) và ngày 17 tháng 01 năm 2018, vụ án đã được Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm (theo bản án số 09/2018/HS-PT), nên Tòa án nhân dân thị xã H không thu thập được tài liệu, chứng cứ trên.

[9] Chị Võ Thị Thu T khai: Chị có làm chủ 14 dây hụi trên; khi cơ quan điều tra lập biên bản đối chiếu nợ tiền hụi, làm tờ tự khai hụi viên nói chị nợ bao nhiêu thì chị nhận bấy nhiêu chứ chị không xác định được nợ, hơn nữa lúc đó tinh thần của chị quá hoảng loạn và rất sợ, nhưng chị không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh và nguyên đơn không thừa nhận, nên không chấp nhận lý lẽ này.

[10] Tòa án nhân dân thị xã H đã triệu tập trực tiếp bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến Tòa án để đối chất với nguyên đơn về tiền hụi trên, nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đến, nên Tòa án không thể tiến hành đối chất được.

[11] Xét về tiền lãi: Do các nguyên đơn không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[12] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của các nguyên đơn là có chứng cứ, nên chấp nhận.

[13] Để đảm bảo quyền lợi cho các nguyên đơn trong quá trình thi hành án, kể từ khi các nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, mà chị Võ Thị Thu T và anh Nguyễn Văn N chưa thi thành xong số tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[14] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn; đình chỉ một phần yêu cầu của các nguyên đơn; buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ phải liên đới trả cho các nguyên đơn số tiền yêu cầu là có căn cứ, nên chấp nhận.

[15] Xét về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[16] Các nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho các nguyên đơn theo quy định của pháp luật;

[17] Chị Võ Thị Thu T và anh Nguyễn Văn N phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 92, 227, 228 và 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn (Bà Phạm Thị Thu T, bà Phạm Thị X, bà Lê Thị H, chị Nguyễn Thị N, bà Lê Thị N, ông Nguyễn Văn X, bà Trần Thị Ơ, chị Nguyễn Thị T và chị Bùi Thị M).

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Buộc chị Võ Thị Thu T phải trả cho bà Thái Thị Kim P tiền hụi còn thiếu gốc 22.290.000đồng *(Hai mươi hai triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng)*.

Kể từ ngày bà Thái Thị Kim P có đơn yêu cầu thi hành án, mà chị Võ Thị Thu T chưa thi hành xong số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc chị Võ Thị Thu T và anh Nguyễn Văn N phải liên đới trả cho chị Đặng Thị Thanh T tiền hụi còn thiếu gốc 146.000.000đồng *(Một trăm bốn mươi sáu triệu đồng)*.

Buộc chị Võ Thị Thu T và anh Nguyễn Văn N phải liên đới cho bà Phạm Thị Thu T số tiền hụi còn thiếu gốc 85.230.000đồng *(Tám mươi lăm triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng)*.

Buộc chị Võ Thị Thu T và anh Nguyễn Văn N phải liên đới cho bà Phạm Thị X số tiền hụi còn thiếu gốc 195.850.000đồng *(Một trăm chín mươi lăm triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Buộc chị Võ Thị Thu T và anh Nguyễn Văn N phải liên đới thêm cho bà Lê Thị H số tiền hụi còn thiếu gốc 198.655.000đồng *(Một trăm chín mươi tám triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn đồng)*.

Buộc chị Võ Thị Thu T và anh Nguyễn Văn N phải liên đới cho chị Nguyễn Thị N số tiền hụi còn thiếu gốc 123.600.000đồng *(Một trăm hai mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng)*.

Buộc chị Võ Thị Thu T và anh Nguyễn Văn N phải liên đới cho bà Lê Thị N số tiền hụi còn thiếu gốc 333.600.000đồng *(Ba trăm ba mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng)*.

Buộc chị Võ Thị Thu T và anh Nguyễn Văn N phải liên đới cho ông Nguyễn Văn X số tiền hụi còn thiếu gốc 233.050.000đồng *(Hai trăm ba mươi ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Buộc chị Võ Thị Thu T và anh Nguyễn Văn N phải liên đới cho bà Trần Thị Ơ số tiền hụi còn thiếu gốc 489.830.000đồng *(Bốn trăm chín mươi tám triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng)*.

Buộc chị Võ Thị Thu T và anh Nguyễn Văn N phải liên đới cho chị Nguyễn Thị T số tiền hụi còn thiếu gốc 247.900.000đồng *(Hai trăm bốn mươi bảy triệu chín trăm nghìn đồng)*.

Buộc chị Võ Thị Thu T và anh Nguyễn Văn N phải liên đới cho chị Bùi Thị M số tiền hụi còn thiếu gốc 57.970.000đồng *(Năm mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng)*.

Buộc chị Võ Thị Thu T và anh Nguyễn Văn N phải liên đới cho chị Lê Thị Cà M tiền hụi còn thiếu gốc 78.965.000đồng *(Bảy mươi tám triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn đồng)*.

Kể từ ngày chị Đặng Thị Thanh T, bà Phạm Thị Thu T, bà Phạm Thị X, bà Lê Thị H, chị Nguyễn Thị N, bà Lê Thị N, ông Nguyễn Văn X, bà Trần Thị Ơ, chị Nguyễn Thị T, chị Bùi Thị M, chị Lê Thị Cà M có đơn yêu cầu thi hành án, mà chị Võ Thị Thu T và anh Nguyễn Văn N chưa thi hành xong số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Thái Thị Kim P, chị Đặng Thị Thanh T, bà Phạm Thị Thu T, bà Phạm Thị X, bà Lê Thị H, chị Nguyễn Thị N, bà Lê Thị N, ông Nguyễn Văn X, bà Trần Thị Ơ, chị Nguyễn Thị T, chị Bùi Thị M, chị Lê Thị Cà M đều không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả lại cho bà Thái Thị Kim P 557.000đồng *(Năm trăm năm mươi bảy nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số:02631 ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Hoàn trả lại cho chị Đặng Thị Thanh T 3.650.000đồng *(Ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (do Trần Thị H nộp thay) theo biên lai số:02607 ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị Thu T 2.498.000đồng *(Hai triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (do Phạm Thị X nộp thay) theo biên lai số:02599 ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị X 5.394.000đồng *(Năm triệu ba trăm chín mươi bốn nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số:02600 ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Hoàn trả lại cho bà Lê Thị H 5.350.000đồng *(Năm triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số:02636 ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị N 3.295.000đồng *(Ba triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (do Lê Thị N nộp thay) theo biên lai số:02603 ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Hoàn trả lại cho bà Lê Thị N 9.500.000đồng *(Chín triệu năm trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số:02604 ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Nguyễn Văn X thuộc trường hợp miễn nộp toàn bộ tiền tạm ứng án phí và án phí, nên không đặt vấn đề giải quyết.

Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Ơ 13.060.000đồng *(Mười ba triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số: 02601 ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị T 6.462.000đồng *(Sáu triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số:02598 ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Hoàn trả lại cho chị Bùi Thị M 1.455.000đồng *(Một triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số:02605 ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Hoàn trả lại cho chị Lê Thị Cà M 1.974.000đồng *(Hai triệu một trăm bảy mươi hai nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số:02612 ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Võ Thị Thu T và anh Nguyễn Văn N phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 76.258.800đồng, lấy tròn 76.259.000đồng *(Bảy mươi sáu triệu hai trăm năm mươi chín nghìn đồng)*.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 27 tháng 11 năm 2018). Đối với chị Võ Thị Thu T và anh Nguyễn Văn N có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND thị xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Trung